

TPHCM, ngày 10 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục phổ thông

Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS và THPT Đình Tiên Hoàng đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. Quán triệt hệ thống văn bản pháp quy:

- Triển khai đầy đủ nội dung quy chế thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ, viên chức trong cuộc họp cơ quan.
- Triển khai hệ thống văn bản liên quan: Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục.

II. Thực hiện công khai:

1. Nội dung công khai:

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

a) **Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024 - 2025:** Điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình giáo dục, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo mẫu 09).

b) **Chất lượng giáo dục thực tế:** Công khai số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm 2024 - 2025; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh hoàn thành chương trình lớp học, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở và trường trung học phổ thông (Theo mẫu 10).

c) **Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:** Kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn và kết quả đạt được.

d) **Kiểm định cơ sở giáo dục:** Quyết định thành lập Hội đồng, kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá.

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

a) **Cơ sở vật chất:** số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Theo mẫu 11).

b) **Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

Số lượng, chức danh và trình độ đào tạo (Theo mẫu 12).

1.3. Công khai thu chi tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở GD&ĐT thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THCS và THPT Đình Tiên Hoàng công khai tài chính gồm:

a) Công khai thu – chi tài chính:

- Công khai bảng lương mỗi tháng trước khi đội ngũ nhận lương.
- Công khai quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường tại bảng thông báo của nhà trường. Quy chế được thông qua từng tổ công đoàn tổ chức góp ý trước khi hoàn chỉnh, công khai.
- Các khoản thu học phí và các khoản thu khác vào từng năm học và các cấp học theo quy định thông qua phiên họp hội đồng. Cụ thể:

HỌC PHÍ - TIỀN ĂN - PHÍ PHỤC VỤ

Khối Diện	Nội dung	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
Hai buổi	Học phí chính khoá	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000
	Học phí buổi hai	660,000	660,000	890,000	890,000	945,000	1,075,000	1,200,000
	Học phí tăng cường							1,000,000
	Tổng phí	1,960,000	1,960,000	2,490,000	2,490,000	2,745,000	3,150,000	4,500,000
Bán trú	Học phí chính khoá	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000	1,300,000
	Học phí buổi hai	660,000	660,000	890,000	890,000	945,000	1,075,000	1,200,000
	Học phí tăng cường							1,000,000
	Tiền ăn Phí phục vụ	1,600,000	1,600,000	1,600,000	1,600,000	1,600,000	1,600,000	1,600,000
	Tổng phí	3,560,000	3,560,000	4,090,000	4,090,000	4,345,000	4,750,000	6,100,000
KHOẢN THU KHÁC								
1	Chi phí phục vụ học tập: - Phí khám sức khỏe - Sổ sách chăm sóc y tế- Thuốc men và sơ cứu ban đầu. - CSVV: phí bảo trì thiết bị điện, điện lạnh và máy móc phục vụ học tập - Khen thưởng HKI, HKII và cả năm về học tập và phong trào - Chi phí phần mềm phục vụ giảng dạy và học tập	2.500.000 đồng/năm						
2	Bơi, bóng đá, cầu lông, bóng bàn, nhảy hiện đại, các hoạt động phong trào, khen thưởng học sinh HKI, HKII, cả năm	800.000 đồng/năm						
3	Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động trải nghiệm	800.000 đồng/năm						

- Về cơ sở vật chất, trước khi mua sắm sửa chữa đều xin ý kiến hội đồng quản trị, được sự đồng ý mới tổ chức thực hiện.

b) Nội dung công khai dự toán, quyết toán:

- Công khai các căn cứ, nguyên tắc phân bổ.

- Công khai quyết toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Công khai quyết toán do đơn vị phê duyệt cho các đơn vị cấp dưới.

2. Hình thức và thời điểm công khai:

2.1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết thông báo.
- Công khai trên phạm vi toàn thể phụ huynh, nhân dân, cán bộ viên chức, học sinh.... Nhờ vậy phụ huynh, Ban Lãnh Đạo, giáo viên và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo dần thương hiệu của trường về chất lượng.

2.2. Thời điểm công khai:

*** Từ tháng 9/2024:**

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ ngày 25/9/2024.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2023) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo về theo từng khu phố trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ

Công tác công khai đã đáp ứng được sự giám sát của đội ngũ đối với hoạt động thu - chi trong nhà trường nên không có khiếu kiện, khiếu nại về công tác tài chính.

IV. KIẾN NGHỊ: Không

Nơi nhận:

- Phòng GD – ĐT (để báo cáo)
- Lưu VP
- BDD CMHS;
- CB, GV, NV;



T/M NHÀ TRƯỜNG

HIỆU TRƯỞNG

[Handwritten signature]

NGUYỄN THỊ LIÊN

Biểu mẫu 9

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
ĐINH TIÊN HOÀNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng
Năm học 2024-2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp	
		Lớp 6, 10	Lớp 7, 8, 9, 11, 12
I	Điều kiện tuyển sinh	-Lớp 6: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học, có chứng nhận hoàn thành chương trình Tiểu học, có đầy đủ học bạ Tiểu học. -Lớp 10: Học sinh hoàn thành chương trình THCS, có giấy chứng nhận Tốt nghiệp THCS, có đầy đủ học bạ THCS.	Học sinh xếp loại học lực và hạnh kiểm cuối năm học từ Đạt trở lên. Có đầy đủ học bạ.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện chương trình (37 tuần thực học + 2 tuần dự bị) theo Quyết định khung thời gian năm học của UBND Thành Phố Hồ Chí Minh và chương trình nhà trường dạy học 2 buổi/ngày. - Bảo đảm dạy đầy đủ các môn học theo quy định và thực hiện kế hoạch dạy học buổi hai theo hướng dẫn 7291/BGDĐT-GDtrH và văn bản 3005/SGDĐT-GDTrH. - Tất cả các khối lớp thực hiện dạy học theo chương trình GDPT 2018.	

III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Thực hiện theo thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ ban đại diện hội CMHS. - Gia đình quản lý việc học tập và rèn luyện của học sinh ở nhà; thường xuyên phối hợp chặt chẽ với nhà trường thông qua GVCN. - Học CMHS 3 lần/năm học: đầu năm, cuối học kỳ I và cuối năm học. - Học sinh chủ động tích cực trong học tập, thực hiện theo đúng nội qui của nhà trường, xử lý kỷ luật theo Thông tư 08.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Tổ chức các hoạt động và phong trào thi đua học tốt, ngoại khoá, thể dục, thể thao, kỹ năng sống, ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm... - Tổ chức các phong trào giáo dục truyền thống, đạo đức, pháp luật và phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bệnh tật...
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Chất lượng hai mặt giáo dục: + Khối 9: Tỷ lệ Tốt nghiệp THCS 100% + Khối 12: Tỷ lệ Tốt nghiệp THPT 100%, Tỷ lệ vào Đại học, Cao đẳng: 80% + Các khối còn lại: 100% lên lớp thẳng, + Chỉ tiêu xếp loại học lực: Giỏi 30%, Khá 45%, TB 25%; hạnh kiểm Khá-Tốt: 100% - Chất lượng mũi nhọn các môn văn hóa: + Thi Olympic 30/4 Cấp Thành Phố: mỗi tổ chuyên môn đạt tối thiểu 3 học sinh. + Thi Học sinh Giỏi cấp Thành Phố: mỗi môn học đi dự thi có tối thiểu 1 học sinh đạt giải.

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Có kiến thức, kỹ năng cơ bản vững chắc - Học sinh có khả năng tiếp thu và đủ kiến thức để học tập ở cấp học cao hơn. - 98% học sinh tham gia học tiếp sau tốt nghiệp THCS.
VII	Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục	+ Phấn đấu 100% giáo viên nhân viên tham gia đầy đủ các hình thức bồi dưỡng, tập huấn, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ trong nhà trường. + Đội ngũ CBQL-GV đạt chuẩn và trên chuẩn 100% + Nhà trường có phương pháp quản lí linh hoạt, hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, giáo viên chủ nhiệm các lớp là giáo viên cơ hữu, làm việc 8h ở trường giúp hỗ trợ giải quyết mọi vấn đề cho học sinh. + Chỉ tiêu chất lượng bộ môn: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh 85%; Vật lý, Hoá học, Sinh học 90%; các môn còn lại 95% từ trung bình trở lên. + Giáo viên Giỏi cấp trường: 6 GV đạt. + Giáo viên Giỏi cấp Quận: mỗi tổ tối thiểu có 1 GV đạt giải. + 100% CB-GV-NV đạt Lao động tiên tiến, 15% Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. + Xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên cuối năm đạt 100%.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
ĐINH TIÊN HOÀNG**

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Đình Tiên Hoàng
Năm học: 2023-2024**

[illegible]

II	Số học sinh chia theo học lực	299	2	10	7	17	89	94	80
1	Giỏi (Tỷ lệ so với tổng số)	86 (28,76%)	2 (100%)	3 (30%)	3 (42,86%)	8 (47,06%)	23 (25,84%)	31 (32,98%)	16 (20%)
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)	168 (56,19%)	0 (0%)	4 (40%)	2 (28,57%)	6 (35,29%)	47 (52,81%)	53 (56,38%)	56 (70%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	45 (15,05%)	0 (0%)	3 (30%)	2 (28,57%)	3 (17,65%)	19 (21,35%)	10 (10,64%)	8 (10%)
4	Yếu (Tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
5	Kém (Tỷ lệ so với tổng số)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	299	2	10	7	17	89	94	80
1	Lên lớp (Tỷ lệ so với tổng số)	299 (100%)	2 100%	10 100%	7 100%	17 100%	89 100%	94 100%	80 100%
a	Học sinh xuất sắc (Tỷ lệ so với tổng số)	11 (3,68%)	0 (0%)	1 (10%)	0 (0%)	0 (0%)	4 (4,49%)	6 (6,38%)	0 (0%)
b	Học sinh giỏi (Tỷ lệ so với tổng số)	75 (25,08%)	2 (100%)	2 (20%)	3 (42,86%)	8 (47,06%)	19 (21,35%)	25 (26,60%)	16 (20%)
c	Học sinh tiên tiến (Tỷ lệ so với tổng số)	169 (56,52%)	0 (0%)	4 (40%)	2 (28,57%)	7 (41,18%)	47 (52,81%)	53 (56,38%)	56 (70%)
2	Thi lại		0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

	(Tỷ lệ so với tổng số)								
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Chuyển trường đến/đi (Tỷ lệ so với tổng số)	16 (5,35%)	1 (50%)	1 (10%)	0 (0%)	4 (23,53%)	6 (6,74%)	4 (4,26%)	0 (0%)
5	Bị đuổi học (Tỷ lệ so với tổng số)	0	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	5 (1,67%)	0 0%	0 0%	1 (14,29%)	0 (0%)	2 (2,25%)	2 (2,13%)	0 (0%)
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi								
1	Cấp Quận		Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia
2	Cấp tỉnh/thành phố		Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	00
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia	Không tham gia
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp					17			79
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					17			79
1	Giỏi					8			

	(tỷ lệ so với tổng số)					(47%)			
2	Khá (Tỷ lệ so với tổng số)					6 (35%)			
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					3 (18%)			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (Tỷ lệ so với tổng số)								85%
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	(173/126)	2/0	7/3	5/2	13/4	42/47	53/41	51/29
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	0	1	0	1	0	2	1



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
ĐÌNH TIÊN HOÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông Đình Tiên Hoàng
Năm học: 2024-2025**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	1.3 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	1.3 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	03	1.5 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	1.8 m ² /học sinh
7	Bình quân lớp/phòng học	01	
8	Bình quân học sinh/lớp	30	1.3 m ² /học sinh
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	2.450m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	500m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	40m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	40m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	40m ²	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	00	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	00	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	Đáp ứng	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
		yêu cầu dạy học	
1.2	Khối lớp 7	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.3	Khối lớp 8	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.4	Khối lớp 10	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
1.5	Khối lớp 11	Đáp ứng yêu cầu dạy học	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 10		
2.5	Khối lớp 11		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	00	
4			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	30	1 học sinh/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		1 thiết bị/1 lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	01	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	01	Màn hình tương tác
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		1 thiết bị/1 lớp
1	Ti vi	01	
2	Cát xét	01	

3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	
5	Thiết bị khác...	01	Màn hình tương tác
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	40m ²
XI	Nhà ăn	180m ²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	02	100	
XIII	Khu nội trú	03	87	

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02	02	1Nam/1Nữ		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên

Biểu mẫu 12

**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THCS VÀ THPT
ĐINH TIÊN HOÀNG**

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành Phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông Đinh Tiên Hoàng
Năm học: 2024-2025**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Kh á	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	58													
I	Giáo viên	45													
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6		1	5										
2	Vật lý	5		1	4										
	Trong đó có chứng chỉ dạy môn KHTN	1													
3	Hóa học	3			3										
4	Sinh học	2		1	1										
6	Ngữ văn	6			6										
7	Lịch sử	4			4										
	Trong đó có chứng chỉ dạy Lịch sử-Địa lý	1			1										
8	Địa lý	3			3										
9	Lịch sử và Địa lý	0			0										
10	GDCD, GDKT&PL	2			2										
11	Tiếng Anh	6			6										
12	Tin học	2			2										

13	GDQP-AN	1		1														
14	GDTC	3		3														
15	Công nghệ	0		0														
16	Âm Nhạc	1			1													
17	Mỹ Thuật	1			1													
II	Cán bộ quản lý	2		2														
1	Hiệu trưởng	1		1														
2	Phó hiệu trưởng	1		1														
III	Nhân viên	11																
1	Nhân viên văn thư	1		1														
2	Nhân viên kế toán	1		1														
3	Thủ quỹ-Thu ngân	1		1														
4	Nhân viên y tế	1			1													
5	Nhân viên thư viện (kiêm nhiệm)	0																
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm (kiêm nhiệm)	0																
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																
8	Nhân viên công nghệ thông tin (kiêm nhiệm)	0																
9	Học vụ	1		1														
10	Cấp dưỡng-Phục vụ	3						3										
12	Bảo vệ	2						2										
13	Tuyển sinh-Sự kiện	1						1										



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Liên